TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/4/2023
"*V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hùng Cường.

2. Bà Bùi Thanh Thúy.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 348/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/12/2022 về việc "*tranh chấp ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2023/QĐST-DS ngày 04/4/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Trần Thanh Đ, sinh năm 1982 (*có mặt*).

Địa chỉ: khóm P, TT. C, huyện C, Đồng Tháp;

- *Bị đơn*: Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 (*vắng mặt*)

Nơi cư trú cuối cùng: khóm P, TT C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(*Chị H bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số: 06/2022/QĐST-VDS ngày 28/09/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Thanh Đ trình bày:

Anh Trần Thanh Đ và chị Nguyễn Thị H quen biết nhau, có tìm hiểu nhau vào năm 2010, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn C, huyện

C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 108 ngày 20/10/2011.

Thời gian đầu Anh Đ, Chị H chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh Đ, Chị H ngày càng bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, tính tình vợ chồng không còn phù hợp, Chị H có quen biết với người đàn ông khác, khiến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Sau đó Chị H bỏ nhà đi từ năm 2014 không liên lạc gì với gia đình, Anh Đ đã liên hệ tìm kiếm nhưng không có tin tức gì của Chị H. Chị H đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tuyên bố mất tích theo Quyết định số: 06/2022/QĐST-VDS ngày 28/09/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Anh Trần Thanh Đ cảm thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm không còn, tính tình không phù hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên Anh Đ yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Có 01 con chung tên Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 17/3/2012 (hiện cháu Như đang sống chung với Anh Đ). Khi ly hôn, Anh Đ yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Trần Thị Huỳnh N. Anh Đ không yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tuyên bố mất tích theo Quyết định số: 06/2022/QĐST-VDS ngày 28/09/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Cháu Trần Thị Huỳnh N có nguyện vọng sống với cha là anh Trần Thanh Đ sau khi Anh Đ, Chị H ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Thanh Đ.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Anh Đ về việc nuôi con chung, giao cháu Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 17/3/2012 cho Anh Đ nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh Đ không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Thanh Đ trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trần Thanh Đ yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị H, yêu cầu được nuôi con chung. Chị H có nơi cư trú cuối cùng tại: khóm Phú Hưng, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào các Điều 56, 71, 81 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 68 Bộ luật Dân sự; Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "*xin ly hôn, nuôi con"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: bị đơn chị Nguyễn Thị H đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo quyết định số 06/2022/QĐST-VDS ngày 28/09/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt cho Nguyễn Thị H là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của Anh Đ về việc yêu cầu ly hôn Chị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Thanh Đ và chị Nguyễn Thị H là hợp pháp, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, tính tình vợ chồng không còn phù hợp, Chị H đã có người khác, bỏ đi biệt tích nhiều năm. Theo Quyết định số: 06/2022/QĐST-VDS ngày 28/09/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tuyên bố chị Nguyễn Thị H mất tích, đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của Anh Đ đối với Chị H theo khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự.

[3.2] Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và chứng cứ Tòa án thu thập được, Hội đồng xét xử nhận thấy từ khi mâu thuẫn xảy ra, Chị H bỏ đi khỏi địa phương không rõ tin tức cho đến nay, cháu Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 17/3/2012 được Anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cuộc sống đã ổn định. Đồng thời, Anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Như, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 17/3/2012 cho Anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp. Anh Đ không yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, nên không xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H không trực tiếp nuôi cháu Như, được quyền đến năm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ xác định không có và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục giải quyết vụ án và nội dung vụ án là phù hợp quy định pháp luật, phù hợp các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Anh Đ phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 71, 81 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Thanh Đ.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Thanh Đ. Anh Trần Thanh Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

1.2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 17/3/2012 cho anh Trần Thanh Đ nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H được quyền đến năm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Thanh Đ trình bày không có, nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Anh Trần Thanh Đ phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí Anh Đ đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0015415 ngày 15/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được trừ vào án phí Anh Đ phải chịu (anh Trần Thanh Đ đã nộp xong án phí).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp (01);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành (01);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành (01);
- Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Tàu Hạ (số 108/2011 ngày 20/10/2011).
- Lưu: VT, HSVA (2)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nhân